

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Hùng.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1997; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Trang Quang Bảo L, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Trang Quang Bảo L quen biết thời gian một năm và tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 19/4/2016. Chị và anh L có 01 con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian sau này giữa chị và anh L thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị trực tiếp

nuôi con. Nay vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn bất đồng không thể giải quyết được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trang Quang Bảo L; Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015; Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 25/4/2019 chị H nhắn tin tìm anh L trên Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh phát sóng 03 ngày liên tiếp (ngày 02,03,04/5/2019 lúc 17 giờ 50 phút - 18 giờ); Ngày 10/5/2019 chị H có nhắn tin cho anh Trang Quang Bảo L trên Báo Công Lý trong 03 số báo liên tiếp (số 36, 37, 38) để anh L về giải quyết việc ly hôn nhưng anh L không về. Cho nên, chị H nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo thụ lý vụ án và làm các thủ tục tố tụng (như niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa) theo quy định của pháp luật nhưng anh L vẫn không đến để tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: chị Lê Thị Ngọc H và anh Trang Quang Bảo L có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mọi quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị H và anh L đã sống ly thân từ năm 2017. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Về con chung: chị H yêu cầu được nuôi con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là nguyện vọng chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật, cháu K đang sống với chị H, được chăm sóc tốt. nên yêu cầu nuôi con của chị H là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Trang Quang Bảo L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định. Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] *Về hôn nhân*: chị Lê Thị Ngọc H với anh Trang Quang Bảo L tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 19/4/2016. Đây là hôn nhân đúng pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Lê Thị Ngọc H và anh Trang Quang Bảo L phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L có khoảng cách, nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị H và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Trang Quang Bảo L là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của chị H được ly hôn với anh L.

[2] *Về con chung*: Chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015. Xét thấy, chị H đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K. Chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định, cháu K được chăm sóc tốt nên giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015, giới tính: nam.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị H là có căn cứ.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trang Quang Bảo L.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Lê Tuấn K, sinh ngày 04/02/2015, giới tính: Nam.

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản và nợ chung : không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008016 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Chị Lê Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trang Quang Bảo L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (anh Trang Quang Bảo L) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung